

Bản án số: 85/2024/DS-ST

Ngày: 30-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

và hợp đồng mượn tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Khanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoài Tân

2. Bà Lê Ngọc Kiệp

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Châu Ngọc Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 173/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng cầm cố, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY. Trụ sở: A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị Kiều D. Cùng địa chỉ liên hệ: Số A, đường T, Khóm B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Bà Thạch Thị Sa P, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà Nguyễn Thị Kiều D xin vắng mặt; bà Thạch Thị Sa P vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kiều D trình bày: Vào ngày 16/11/2023, bà P có ký kết với Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY (sau đây gọi là Công ty) Hợp đồng cầm cố số BBM231101005NA17X và phụ lục hợp đồng cầm cố, loại hợp đồng cầm cố tài sản, có nội dung cụ thể như sau: Bà P cầm cố cho Công ty A xe gắn máy biển kiểm soát 94K1-756.89, nhãn hiệu: Honda, số loại: Air B, số khung: RLHJF632XHZ206498, số máy: JF63E2248350 do Công an xã H cấp ngày 27/3/2023 cho bà P; giá cầm cố là 10.300.000 đồng; thời hạn cầm cố 12

tháng, kể từ ngày 16/11/2023 đến ngày 16/11/2024; mục đích cầm cố: phục vụ tiêu dùng cá nhân; lãi suất trong hạn cố định là 1.1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày hợp đồng và nhận tiền; lãi suất quá hạn 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; phương thức thanh toán: Hàng tháng từ tháng 12/2023 bằng việc nộp tiền trực tiếp tại chi nhánh hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Công ty. Bà P có giao cho Công ty giữ bản chính chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 94000513 do bà P đứng tên. Công ty đã giao đủ số tiền cầm cố cho bà P vào ngày 16/11/2023.

Đồng thời, cùng vào ngày 16/11/2023, bà P có ký kết với Công ty giấy mượn xe để bà P mượn lại chiếc xe gắn máy đã cầm cố cho Công ty làm phương tiện đi lại; thời hạn mượn xe là 30 ngày, từ ngày 16/11/2023 đến ngày 16/12/2023; bà P phải trả phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn cho Công ty hàng tháng là 298.700 đồng; bà P được thanh toán trễ trong vòng 05 ngày tính từ ngày thanh toán hàng tháng. Trường hợp bà P thanh toán trễ hạn cho Công ty thì bà P trả phí bảo dưỡng và hao mòn xe 618.000 đồng/tháng.

Từ khi cầm cố xe và mượn xe, bà P đã thanh toán cho Công ty được 2.498.000 đồng. Từ ngày 16/02/2024 đến nay, bà P không có thanh toán theo thỏa thuận cho Công ty tiền cầm cố xe, tiền lãi suất trong hạn và phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn. Hiện nay, bà P đang quản lý chiếc xe gắn máy đã cầm cho Công ty. Mặc dù, Công ty đã nhiều lần liên hệ đến bà P đôn đốc và yêu cầu bà P trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố nhưng bà P không thực hiện, cố tình trốn tránh.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2024, Công ty yêu cầu bà P trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94K1-75689, nhãn hiệu: Honda, số loại: Air B do bà P đứng tên theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 94000513 do Công an xã H, huyện V cấp ngày 27/3/2023; trường hợp bà P không trả lại xe theo giấy mượn xe thì phải thanh toán cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 03/7/2024 là 15.058.687 đồng, gồm tiền gốc 8.721.027 đồng, lãi trong hạn 438.086 đồng, lãi quá hạn 219.043 đồng, quản lý hồ sơ 199.130 đồng, phí trả chậm 487.730 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 697.682 đồng, phí tất toán hợp đồng trước hạn 255.744 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 2.822.200 đồng, phí tố tụng 1.218.044 đồng. Ngoài ra, bà P phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh kể từ ngày 03/7/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp bà P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Công ty xin rút một phần yêu cầu khởi kiện gồm: Yêu cầu trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94K1-756.89, nhãn hiệu: Honda, số loại: Air B do bà P đứng tên theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 94000513 do Công an xã H, huyện V cấp ngày 27/3/2023, phí quản lý hồ sơ 199.130 đồng, phí trả chậm 487.730 đồng, phí tố tụng: 1.218.044 đồng, phí tất toán trả trước 255.744 đồng, tiền lãi quá hạn 219.043 đồng và yêu cầu kê biên, xử lý tài sản cầm cố.

Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY yêu cầu Tòa án buộc bà P phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 14.844.587 đồng, trong đó gồm tiền gốc 8.721.027 đồng, lãi trong hạn 729.078 đồng,

phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 697.682 đồng và phí hao mòn và mượn xe 4.696.800 đồng và tiền lãi tiếp theo, kể từ sau ngày 30/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

*Đối với ý kiến, trình bày của bị đơn bà P:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập bà P tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà P không đến Tòa án làm việc hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà P chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 309, Điều 310, 311, 463, 468 của Luật Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc: Yêu cầu trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94K1-756.89, nhãn hiệu: Honda, số loại: Air B do bà P đứng tên theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 94000513 do Công an xã H, huyện V cấp ngày 27/3/2023, phí quản lý hồ sơ 199.130 đồng, phí trả chậm 487.730 đồng, phí tố tụng: 1.218.044 đồng, phí tất toán trả trước 255.744 đồng, tiền lãi quá hạn 219.043 đồng và yêu cầu kê biên, xử lý tài sản cầm cố. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty. Buộc bà P phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 14.844.587 đồng và tiền lãi tiếp theo, kể từ sau ngày 30/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY khởi kiện yêu cầu bà P thanh toán số tiền cầm cố tài sản và mượn tài sản còn nợ theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đã ký kết. Đây là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và mượn tài sản theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện nay, bà P đang cư trú tại ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kiều D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điều 228 của Bộ

luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2] Đại diện theo ủy quyền của Công ty yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện là: Yêu cầu trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94K1-756.89, nhãn hiệu: Honda, số loại: Air B do bà P đứng tên theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 94000513 do Công an xã H, huyện V cấp ngày 27/3/2023, phí quản lý hồ sơ 199.130 đồng, phí trả chậm 487.730 đồng, phí tố tụng: 1.218.044 đồng, phí tất toán trả trước 255.744 đồng, tiền lãi quá hạn 219.043 đồng và yêu cầu kê biên, xử lý tài sản cầm cố. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, căn cứ vào Điều 5, điểm c khoản 1 Điều 217 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà P không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến đến Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung: Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY yêu cầu Tòa án buộc bà P phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 14.844.587 đồng và tiền lãi tiếp theo, kể từ sau ngày 30/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Để chứng minh yêu cầu khởi kiện, Công ty cung cấp hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đề ngày 16/11/2023 giữa Công ty với bà P. Xét thấy, bà P đã tự nguyện thỏa thuận giao kết và ký kết hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe với Công ty nên có căn cứ xác định giữa Công ty với bà P có giao dịch cầm cố tài sản và mượn tài sản với nhau đối với chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Airblade, biển số xe 94K1-756.89 là phù hợp với khoản 1 Điều 275, Điều 309, khoản 3 Điều 314, Điều 494 Bộ luật Dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà P đã vi phạm thanh toán nên Công ty yêu cầu bà P thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 14.844.587 đồng, trong đó gồm tiền gốc 8.721.027 đồng, lãi trong hạn 729.078 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 697.682 đồng và phí hao mòn và mượn xe 4.696.800 đồng và tiền lãi tiếp theo, kể từ sau ngày 30/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ, phù hợp với định tại các Điều 280, 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, do yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY được chấp nhận nên bà P phải chịu 5% trên tổng số tiền 14.844.587 đồng, bằng số tiền 742.229 đồng. Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY không phải nộp án phí sơ thẩm.

[6] Như đã phân tích, các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 275, 280, 309, 310, 311, 314, 357, 463, 468 và 494 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

**1.** Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY về việc yêu cầu bà Thạch Thị Sa P: Trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94K1-756.89, nhãn hiệu: Honda, số loại: Air B do bà P đứng tên theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 94000513 do Công an xã H, huyện V cấp ngày 27/3/2023, phí quản lý hồ sơ 199.130 đồng, phí trả chậm 487.730 đồng, phí tố tụng: 1.218.044 đồng, phí tất toán trả trước 255.744 đồng, tiền lãi quá hạn 219.043 đồng và yêu cầu kê biên, xử lý tài sản cầm cố.

**2.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY về việc yêu cầu bà Thạch Thị Sa P thanh toán tổng số tiền 14.844.587 đồng (mười bốn triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi bảy đồng), trong đó gồm tiền gốc 8.721.027 đồng (tám triệu bảy trăm hai mươi một nghìn không trăm hai mươi bảy đồng), lãi trong hạn 729.078 đồng (bảy trăm hai mươi chín nghìn không trăm bảy mươi tám đồng), phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 697.682 đồng (sáu trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng) và phí hao mòn và mượn xe 4.696.800 đồng (bốn triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Buộc bà Thạch Thị Sa P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY thanh toán tổng số tiền 14.844.587 đồng (mười bốn triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi bảy đồng), trong đó gồm tiền gốc 8.721.027 đồng (tám triệu bảy trăm hai mươi một nghìn không trăm hai mươi bảy đồng), lãi trong hạn 729.078 đồng (bảy trăm hai mươi chín nghìn không trăm bảy mươi tám đồng), phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 697.682 đồng (sáu trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng) và phí hao mòn và mượn xe 4.696.800 đồng (bốn triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

**3.** Kể từ ngày tiếp theo của ngày 30/9/2024 (ngày xét xử sơ thẩm), bà Thạch Thị Sa P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận Hợp đồng cầm cố số BBM231101005NA17X ngày 16/11/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY.

**4.** Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Thạch Thị Sa P phải nộp 742.229 đồng (bảy trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm hai mươi chín đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY không phải nộp án phí sơ thẩm có giá ngạch, đã dự nộp tạm ứng án phí 376.467 đồng (ba trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004188 ngày 29/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA; HCTP.

**Nguyễn Duy Khanh**